TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG ANH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** **----------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**

Bản án số:161/2018/HSST
Ngày: 26/10/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phi Hùng.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Đệ.
Ông Dương Xuân Thìn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Xuân Hiếu - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 165/2018/HSST ngày 04/10/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 169/2018/QĐXXST - HS ngày 12/10/2018 đối với bị cáo:

Lê Văn B, sinh năm 1983 tại tỉnh Phú Thọ; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu 1, xã Y, huyện C, tỉnh Phú Thọ; Nơi ở: không có nơi ở cố định; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 5/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Giới tính: Nam; Con ông: Lê Văn C (tức Lê Công C); Con bà: Đặng Thị V; Vợ Nguyễn Thị T; Có 01 con sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Ngày 04/10/2002, bị áp dụng biện pháp xử lý đưa vào Cơ sở giáo dục bắt buộc; Ngày 20/3/2008 Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Phú Thọ xử phạt 07 năm tù về tội "Cướp tài sản". Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/12/2013 (Đã được xóa án tích).

Bị cáo bị bắt giữ trong trường hợp khẩn cấp và tạm giữ từ ngày 30/7/2018, tạm giam từ ngày 08/8/2018 đến nay tại Trại tạm giam số I Công an Thành phố Hà Nội - Có mặt tại phiên tòa.

***Bị hại*:** Anh Bùi Văn S, sinh năm 1998; Hộ khẩu thường trú: xã V, huyện V, tỉnh T; Trú tại: thôn H, xã K, huyện Đ, Thành phố Hà Nội – Vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Văn H, sinh năm 1972; Hộ khẩu thường trú và nơi ở: thôn N, xã K, huyện Đ, Thành phố Hà Nội – Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[1]. Khoảng 18 giờ 00’ ngày 27/7/2018, Lê Văn B đến quán Internet của chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1985; trú tại: Thôn H, xã K, huyện Đ, Thành phố Hà Nội (mở tại nhà) và ngồi tại bàn số 02 xem mọi người chơi điện tử. Khoảng 23^h00’ cùng ngày, anh Bùi Văn S, đến quán Internet của chị Nguyễn Thị T chơi điện tử tại bàn số 15. Đến khoảng 01^h00’ ngày 28/7/2018, anh Bùi Văn S để chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F7 lắp sim số thuê bao 01646921707 trên mặt bàn quầy thanh toán tiền để sạc pin, rồi gục mặt xuống bàn ngủ. Khoảng 04^h00’ cùng ngày, Lê Văn B phát hiện anh Bùi Văn S ngủ, mọi người xung quanh mải chơi điện tử không để ý nên trộm cắp chiếc điện thoại của anh Bùi Văn S cất giấu vào túi quần và đi ra ngoài quán.

Đi ra khỏi quán, Lê Văn B phát hiện điện thoại có cài mật khẩu nên đã tháo sim 01646921707 vứt ở khu vực thôn B, xã Kim C, huyện Đ (không rõ địa chỉ cụ thể). Đến khoảng 11h cùng ngày 28/7/2018 Lê Văn B đến cửa hàng sửa chữa điện thoại di động của anh Nguyễn Mậu H (sinh năm 1979; trú tại: Xóm B, xã K, huyện Đ – chủ cửa hàng) địa chỉ: Xóm 3 B, xã K, huyện Đ, gặp anh H thuê phá mật khẩu với giá 350.000 đồng. Do phải đợi phá mật khẩu nên Lê Văn B quay về nhà nghỉ “Phượng Hồng” địa chỉ: Thôn N, xã Kim C, huyện Đ) của anh Trần Văn H để thuê phòng số 202 nghỉ. Đến khoảng 17^h30’ cùng ngày, Lê Văn B xuống quầy lễ tân gặp chị Lê Thị N, sinh năm 1976 (là vợ anh H) nói không có tiền trả tiền thuê phòng. Chị N gọi anh H về nói chuyện thì Lê Văn B nói đang cầm cố một chiếc điện thoại di động tại một cửa hàng thuộc xã K, Đ nhờ anh H chở đến lấy điện thoại đem bán lấy tiền trả tiền thuê nhà nghỉ. Anh Trần Văn H đồng ý và điều khiển xe máy chở Lê Văn B đến cửa hàng gặp anh Nguyễn Mậu H, và nói muốn bán chiếc điện thoại đã thuê phá mật khẩu trước đó, anh Nguyễn Mậu H trả giá 2.500.000 đồng nhưng Lê Văn B không đồng ý nên đã vay của anh Trần Văn H số tiền 350.000 đồng để trả tiền thuê mở mật khẩu rồi cùng quay lại nhà nghỉ “Phượng Hồng” và nhờ tìm chỗ bán điện thoại với giá 3.800.000 đồng, nếu bán hơn thì anh H được hưởng. Anh Trần Văn H liên lạc điện thoại cho anh Trịnh Đình S, sinh năm 1987; trú tại: Đội 7, thôn B, xã K, huyện Đ là chủ cửa hàng điện thoại “Tuấn Phong”, địa chỉ: Đội 7, thôn B, xã K, huyện Đ nói có một chiếc máy điện thoại di động OPPO F7 muốn bán. Anh Trịnh Đình S nói giá khoảng gần 4.000.000 đồng. Anh H nói lại với Lê Văn B. Lê Văn B nói đồng ý bán với giá 3.800.000đ, nếu bán hơn giá thì anh H được hưởng. Anh Trần Văn H mang chiếc điện thoại đến cửa hàng điện thoại “Tuấn Phong” gặp chị Trần Thị T, sinh năm 1987 (là vợ anh S) thỏa thuận mua bán với giá 4.200.000 đồng. Anh H đã trả cho Lê Văn B 3.000.000 đồng, giữ lại 1.200.000 đồng trong đó có 400.000 đồng tiền chênh lệch và 800.000 đồng gồm: *350.000 đồng tiền vay mở khóa mật khẩu điện thoại; 150.000 đồng tiền thuê nhà nghỉ, 300.000 đồng tiền Lê Văn Bình chưa đưa sạc và tai nghe điện thoại*.

Do chị N vợ anh H muốn sử dụng điện thoại trên nên đã nói với anh H chuộc lại điện thoại. Anh H đến gặp chị T để chuộc lại chiếc điện thoại OPPO F7 đã bán với giá 4.200.000 đồng.

[2]. ***Vật chứng tạm giữ gồm:***

- Của chị Nguyễn Thị T: 01 USB lưu giữ hình ảnh camera ghi nhận hành ảnh Lê Văn B trộm cắp chiếc điện thoại OPPO F7

- Của anh Trần Văn H: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F7.

- Của anh Bùi Văn S: 01 vỏ hộp đựng điện thoại di động, 01 hóa đơn mua điện thoại; 01 thẻ bảo hành OPPO F7

- Của Lê Văn B: 01 xe mô tô nhãn hiệu Dream, màu nâu, BKS: 29M3-1579, SM:LC150FMG02155320; SK: RRHDCG4RH5A000479

[3]. Tại bản kết luận số 338/HĐĐGTS ngày 31/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Đông Anh đã kết luận: Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F7, kèm sim số thuê bao 01646921707 và ốp nhựa điện thoại của anh Bùi Văn S bị chiếm đoạt, tổng trị giá 7.605.000 đồng.

[4]. Về phần dân sự: Anh Trần Văn H tự nguyện không yêu cầu bị cáo bồi thường về dân sự.

[5]. Tại cáo trạng số 162/CT - VKS ngày 03/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh đã truy tố Lê Văn B về tội "Trộm cắp tài sản". Trong phần tranh luận tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và kết luận Lê Văn B phạm tội "Trộm cắp tài sản" và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Xử phạt: Lê Văn B từ 10 đến 12 tháng tù.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Tại Cơ quan Điều tra cũng như tại phiên tòa Lê Văn B khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu, không kêu oan và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho mình một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Khoảng 04^{h}00' ngày 28/7/2018, tại quán Internet của chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1985; trú tại: Thôn H, xã K, huyện Đ, Thành phố Hà Nội (mở tại nhà), Lê Văn B đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F7 lắp sim số thuê bao 01646921707 của anh Bùi Văn S để trên mặt bàn quầy thanh toán tiền.

Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm hại quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, ảnh hưởng an toàn xã hội. Bị cáo là người đã thành niên, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, bị Nhà nước quy định là tội phạm, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi lợi dụng sự sơ hở của chủ tài sản, lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Tài sản mà bị cáo trộm cắp có tổng giá trị là 7.605.000 đồng.

Như vậy hành vi của Lê Văn B đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, như kết luận của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh là có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật.

[2]. Các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Đây là tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3]. Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo đã có 01 tiền án về tội "Cướp tài sản" năm 2008, tuy đã được xóa, nhưng điều đó thể hiện bị cáo là người có nhân thân xấu.

Bởi vậy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội; mới đủ tác dụng trừng trị, cải tạo, giáo dục bị cáo cũng như có tác dụng phòng ngừa chung.

Ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị phạt tiền để nộp ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Xét thấy bị cáo là người sống lang thang, không có thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng:

- 01 điện thoại di động, 01 vỏ hộp đựng điện thoại di động, 01 hóa đơn mua điện thoại và 01 thẻ bảo hành của điện thoại di động OPPO F7 là tài sản hợp pháp của anh Bùi Văn S. Ngày 08/8/2018, Cơ quan Điều tra Quyết định xử lý vật chứng trao trả cho anh Bùi Văn S là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đối với chiếc sim điện thoại, Lê Văn B khai: Sau khi trộm cắp được điện thoại của anh S, bị cáo đã tháo, vứt sim ở khu vực thôn B, xã K, huyện Đ, bị cáo không nhớ chính xác địa điểm nên không truy tìm được.

- Đối với 01 USB lưu giữ hình ảnh Lê Văn B trộm cắp chiếc điện thoại do chị Nguyễn Thị T tự nguyện giao nộp phục vụ quá trình điều tra, Cơ quan Điều tra đã lập biên bản kiểm tra dữ liệu, in hình ảnh đưa vào trong hồ sơ vụ án, chị T đề nghị lấy lại. Ngày 22/9/2018, Cơ quan Điều tra Quyết định xử lý vật chứng trao trả cho chị T là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Dream Lê Văn B khai nhận là mượn của anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1980; trú tại: thôn T, xã B, huyện Đ để đi lại. Tại Cơ quan Điều tra, anh Nguyễn Văn H trình bày: Khoảng tháng 02/2018, anh mua của một nam thanh niên (không rõ lai lịch, địa chỉ) tại khu vực Cầu L, xã N, huyện Đ với giá 1.500.000 đồng, xe không có giấy tờ và hai bên cũng không viết giấy tờ về việc mua bán, để sử dụng làm phương tiện đi lại. Sau đó, cuối tháng 7/2018 anh cho Lê Văn B mượn.

Ngày 10/8/2018, Cơ quan Điều tra đã trưng cầu giám định số khung; số máy nguyên thủy của chiếc xe máy trên tại Phòng kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hà Nội nhưng chưa có kết quả.

Kết quả tra cứu chiếc xe không nằm trong dữ liệu xe máy vật chứng; Biển kiểm soát 29M3 -1579 với số máy, số khung không trùng khớp nhau. Kết quả tra cứu BKS: 29M3 -1579 mang tên ông Nguyễn Công K, sinh năm 1959; trú tại: Tổ 20, thị trấn Đ, huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Ông K trình bày: Ngày 01/02/2001, ông mua mới chiếc xe máy nhãn hiệu River, màu tím đỏ do Trung Quốc sản xuất với giá 7.000.000 đồng và đăng ký chính chủ. Khoảng đến năm 2011 ông bán lại cho một người đàn ông khoảng 50 tuổi ở khu vực ngã tư thị trấn Đ với giá 1.000.000 đồng,

không viết giấy tờ. Quá trình ông sử dụng xe mô tô không bị mất trộm hay liên quan đến vụ việc vi phạm pháp luật nào. Cơ quan Điều tra tách rút tài liệu kèm theo chiếc xe máy gắn BKS: 29M3-1579 tiếp tục xác minh xử lý sau.

[5]. Về trách nhiệm dân sự:

- Sau khi nhận lại tài sản, anh Bùi Văn S không yêu cầu bồi thường dân sự.

- Số tiền 4.200.000 đồng anh Trần Văn H đã bán chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F7 cho vợ chồng anh Trịnh Đình S và chị Trần Thị T, nhưng sau đó đã chuộc lại là tiền của cá nhân anh Trần Văn H. Như vậy thực chất anh Trần Văn H đã trả cho Lê Văn B 3.800.000 đồng (bao gồm: 3.000.000 đồng đưa cho bị cáo, 350.000 đồng tiền vay mở khóa mật khẩu điện thoại; 150.000 đồng tiền thuê nhà nghỉ, 300.000 đồng tiền Lê Văn B chưa đưa sạc và tai nghe điện thoại). Đây là khoản tiền thực tế mà anh Trần Văn H bị thiệt hại. Tuy nhiên anh Trần Văn H tự nguyện không yêu cầu bị cáo bồi thường, do vậy xác định đây là tiền mà bị cáo thu lời bất chính cần buộc bị cáo truy nộp ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. ***Tuyên bố*:** Bị cáo Lê Văn B phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. ***Căn cứ vào*:**

- Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Điều 106; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử phạt: ***Lê Văn B*** 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/7/2018.

***3. Án phí sơ thẩm*:** Bị cáo Lê Văn B phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Bùi Văn S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

Anh Trần Văn H có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- *TAND thành phố Hà Nội;*
- *VKSND huyện Đông Anh;*
- *Công an huyện Đông Anh;*
- *Chi cục THADS huyện Đông Anh;*
- *Bị cáo;*
- *Người tham gia tố tụng;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Phi Hùng